TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT
Ngày: 18/11/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng kinh tế và đòi lại tiền đặt cọc".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long** và ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham dự phiên toà: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2020 về: *"Tranh chấp hợp đồng kinh tế và đòi lại tiền đặt cọc"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T Việt Nam – Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Giám đốc công ty; có mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh N trình bày tại phiên tòa bà Phan Thị Tú T; có mặt.

Cùng địa chỉ: tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M – Người đại diện theo pháp luật: Ông Ca Tuấn D, chức vụ: Giám đốc công ty; có mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ca Tuấn D trình bày tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thái T; có mặt. Cùng địa chỉ: tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Chánh T; trú tại: tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T Việt Nam đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh N, trình bày:

Ngày 22/8/2019, Công ty TNHH T Việt Nam (gọi tắt Công ty T) có ký hợp đồng với Công ty TNHH đồ gỗ nội thất M (gọi tắt Công ty M) bản hợp đồng số 01/TB-MD/2019 với tổng giá trị 173.472 USD với các điều khoản chi tiết được ghi rõ trong hợp đồng về thời gian và số lượng giao hàng. Để bắt đầu hợp đồng, Công ty T có đặt cọc 800.000.000 đồng được chuyển khoản qua hệ thống Ngân hàng Vietcombank ngày 26/8/2019. Đến ngày 18/9/2019, Công ty M hoàn tất 500 cái bàn của đợt xuất đầu tiên. Công ty T đã thanh toán đủ số tiền 142.634.800 đồng theo hóa đơn số 0005390 ngày 21/10/2019. Đến ngày 05/10/2019 Công ty M không giao đúng như hợp đồng và có giao hẹn 08/10/2019 đến 11/10/2019 sẽ giao hoàn tất (Theo nội dung email gửi ngày 03/10/2019). Tuy nhiên đến ngày 04/10/2019 Công ty M tiếp tục dời ngày hoàn tất đợt 1 là 15/10/2019 (Theo nội dung email "Production status ngày 04/10/2019).

Đến ngày 15/10/2019, Công ty M vẫn không giao hàng, Công ty T đã lên Văn phòng trực tiếp làm việc ngày 18/10/2019 và xác nhận nội dung làm việc qua email "Kế hoạch sản xuất cho các đơn hàng tiếp theo bộ Sofa – HĐTB – MD 01" vào ngày 19/10/2019, nội dung xác nhận đợt 1 giao dứt điểm 23/10/2019. Đồng thời xác nhận kế hoạch đợt 2 – 500 bộ giao 20/11/2019 và 300 bộ giao 30/11/2019.

Đến ngày 23/10/2019 Công ty M vẫn không đủ hàng đợt 1 như đã thỏa thuận xác nhận qua email. Công ty T tiếp tục đợi. Ngày 04/11/2019, Công ty T phát hành văn bản thông báo về việc trễ hàng, yêu cầu giao dứt điểm đợt 1 ngày 08/11/2019, nếu còn chậm trễ Công ty T buộc phải hủy hợp đồng. Ngày 05/11/2019, Công ty M lấy lý do người phụ trách chị T bị đau, không trả lời tiến độ giao hàng, ủy nhiệm cho anh Trung quản lý sản xuất trả lời nhưng Công ty vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào cho kế hoạch đợt 1. Từ ngày 05/11/2019 đến ngày 11/11/2019 không nhận được kế hoạch từ Công ty M, ngày 12/11/2019 Công ty T trực tiếp lên văn phòng và làm biên bản xác nhận giao hàng, đồng thời thông báo nếu còn trễ Công ty T sẽ hủy hợp đồng. Ngày 23/11/2019 Công ty M báo giao hàng một phần và yêu cầu thanh toán nhưng Công ty T không lấy hàng và không đồng ý thanh toán, trả lời ngày 25/11/2019 sẽ lấy đủ số lượng và thanh toán đầy đủ như email "Nhận hàng" ngày 23/11/2019. Ngày 25/11/2019 Công ty M không giao hàng đủ số lượng, Công ty T thông báo hủy hợp đồng như biên bản đã làm việc và yêu cầu Công ty M hoàn lại tiền cọc với giá trị còn lại sau khi trừ đi các khoản tiền giao hàng không đồng bộ và tiền làm nguội còn lại 586.645.117 đồng. Công ty T yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 ngày 22/8/2019 giữa: Công ty T và Công ty M và yêu cầu Công ty M trả lại tiền đặt cọc 586.645.117 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH Đồ gỗ nội thất M người đại diện theo pháp luật ông Ca Tuấn D, trình bày:

Công ty M không đồng ý trả số tiền cọc 586.645.117 đồng vì lý do Công ty T do ông Nguyễn Chánh T người đại diện đặt hàng tại Công ty M không có thái độ hợp tác với đơn vị sản xuất, tự ý hủy hợp đồng làm đơn tranh chấp trước ngày 25/11/2019 là ngày giao đủ 500 bộ bàn ghế theo thỏa thuận. Ngày 12/11/2019 ông T có tới Văn phòng Công ty M làm việc sẽ xuất hàng vào ngày 25/11/2019 (theo thỏa thuận viết tay). Nhưng ngày 23/11/2019 ông T yêu cầu cho nhận trước một phần hàng, sau khi kiểm tra ông T muốn nhận hàng nhưng không chấp nhận thanh toán. Sau đó kéo dài và đổ lỗi không đủ hàng, không thỏa thuận và tự ý nộp đơn xuống tòa rằng Công ty M không giao hàng đúng thời hạn. Công ty M vẫn đảm bảo hàng sản xuất theo thỏa thuận nhưng bên Công ty T cố tình phá vỡ thỏa thuận làm đình trệ sản xuất cũng như vòng xoay vốn của Công ty M. Công ty T gây ra thiệt hại rất lớn cho nhà máy, ông Nguyễn Chánh T làm thương mại tự ý bỏ hủy đơn hàng gây tổn thất rất lớn cho nhà sản xuất.

Sự việc trên Công ty T gây ra sự ảnh hưởng nghiệm trọng về kế hoạch sản xuất của Công ty M cụ thể về nguyên liệu, công sản xuất, mặt bằng, hàng tồn kho.Vì vậy, Công ty M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty T đưa ra.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chánh T, trình bày:

Theo hợp đồng đã ký kết giữ Công ty M và Công ty T, ngày 05/10/2019 và ngày 17/10/2019 Công ty M phải giao cho Công ty T với số lượng 1120 bộ bàn ghế Sofa (gồm: 1120 cái bàn, 1120 cái băng 2, và 2240 cái băng 1), các đợt còn lại như trên hợp đồng đã thể hiện. Ngày 17/9/2019 Công ty M báo đã làm xong 500 cái bàn, đồng thời Công ty M đã xuất hóa đơn để Công ty T chuyển tiền, sau đó Công ty T đã chuyển tiền và lấy hàng trong ngày 17/9/2019. Đến ngày 03/10/2019 ông có làm việc với Công ty M bằng email yêu cầu số lượng còn lại theo tiến độ thì bên Công ty M lấy lý do sự cố nguyên liệu nên chỉ giao được 420 cụm tựa và mê, 100 cái bàn ngày 08/10/2019. Nhưng đến ngày 04/10/2019 Công ty M lấy lý do sự cố nguyên liệu nên hẹn giao ngày 15/10/2019, tuy nhiên đến ngày 18/10/2019 cũng chỉ giao được một lần chứ không đúng số lượng còn lại của đợt 1 (05/10/2019). Ngày 21/10/2019 bên Công ty M (chị T) báo sẽ giao tiếp 500 bộ vào ngày 23/10/2019 nhưng đến sáng ngày 22/10/2019 thì lấy lý do máy hư nên dời đến ngày 26/10/2019. Đến ngày 27/10/2019 mới chỉ giao được 300 bộ tay/1500 bộ tay như đã hứa, các loại còn lại không có và đến ngày 31/10/2019 giao tiếp 56 cái bàn và 285 mê ngồi 2/500 cái. Công ty T nhận thấy Công ty M nhiều lần vi phạm tiến độ giao hàng như đã ký hợp đồng và cam kết, công ty ông đã có thiện chí cho Công ty M chủ động thời gian giao hàng, mặc dù không đúng số lượng và tiến độ như đã xác nhận qua email nhưng Công ty M không giao hàng đủ. Ông đại diện Công ty T nhiều lần đàm phán với chị T nên đăng ký số lượng ít lại để đáp ứng

tiến độ tốt hơn nhưng chị T không đồng ý. Ngày 04/11/2019 Công ty T có gởi phụ lục hợp đồng hủy bớt số lượng và văn bản thông báo qua email cho Công ty M.

Ngày 12/11/2019 ông có đến Văn phòng Công ty M làm việc trực tiếp với chị T việc xác nhận thời gian giao hàng, chị T yêu cầu hủy bớt số lượng gia công hàng theo hợp đồng và hẹn giao dứt số lượng còn lại của 500 bộ ngày 25/11/2019. Đến ngày 23/11/2019 Công ty M hoàn tất số lượng được một phần chứ không đủ như đã xác nhận của chị T theo biên bản làm việc ngày 12/11/2019 nhưng số lượng đó bị ẩm chất lượng không đạt đi sấy lại chứ không phải hàng sản xuất mới và ông có làm việc với Công ty M giao hàng số đó rồi thanh toán sau nhưng chị T không đồng ý nên ông nói ngày 25/11/2019 Công ty T sẽ thanh toán và nhận số lượng còn lại như đã xác nhận nhưng chị T tự cho ngưng sản xuất vào ngày 23/11/2019 nên ngày 25/11/2019 không đủ hàng và từ đó ông không làm việc với Công ty M nữa và đã báo lại tình hình cho Công ty T. Theo hợp đồng đã ký kết giữa Công ty M và Công ty T thì Công ty M phải giao đúng số lượng đồng bộ và giá trị của hợp đồng đã ký kết nhưng Công ty M đã nhiều lần không thực hiện đúng thời gian yêu cầu mặc dù đã làm văn bản thông báo thời gian giao hàng nhưng bên Công ty M vẫn không đáp ứng được thời gian giao hàng như đã ký kết.

Ông yêu cầu hủy bỏ hợp đồng kinh tế và trả lại tiền cọc còn lại khi đã trừ tiền hàng là 586.645.117 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, Điều 37 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 313 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 423, 427 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T Việt Nam.

1. Hủy Hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 ngày 22/8/2019 giữa: Công ty TNHH T Việt Nam và Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M.

2. Buộc Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty T Việt Nam số tiền đặt cọc 586.645.117 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm mười bảy nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/9/2020, bị đơn Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội thất M(ghi tắt là Công ty M) kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty M kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và trình bày: Công Ty M và Công ty T có ký kết Hợp đồng kinh tế số 01 vào ngày 22/8/2019, Công ty T đã chuyển tiền đặt cọc trước cho Công ty M số tiền 800

triệu, Công ty M đã giao hàng đợt 1 và đã được T thanh toán còn lại tiền cọc khoản hơn 600 triệu đồng, Tòa án sơ thẩm đã xử hủy hợp đồng và buộc Công ty M trả tiền cọc là không đúng, gây thiệt hại cho Công ty M.

Công ty TNHH T Việt Nam (ghi tắt là Công ty T) trình bày do Công ty M vi phạm thời hạn giao hàng, mặc dù đã nhiều lần Công ty T yêu cầu giao hàng và đã gia hạn thời hạn theo hợp đồng nhưng M không thực hiện, nên đã hủy hợp đồng và yêu cầu trả lại tiền đặt cọc.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Việc ký kết và thực hiện hợp đồng số 01 các bên thừa nhận; Công ty M đã vi phạm thời hạn giao hàng và không có hàng để giao theo hợp đồng; do đó, Tòa án sơ thẩm đã hủy hợp đồng và trả tiền cọc là đúng. Công ty M kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới khác, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo củ bị đơn giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M, thấy:

[1.1] Ngày 22/8/2019, Công ty T ký hợp đồng với Công ty M hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 có tổng giá trị 173.472 USD, với các điều khoản chi tiết được ghi rõ trong hợp đồng về thời gian và số lượng giao hàng. Để thực hiện hợp đồng, Công ty T đặt cọc 800.000.000 đồng được chuyển khoản qua hệ thống Ngân hàng Vietcombank ngày 26/8/2019, đến ngày 18/9/2019 Công ty M hoàn tất 500 cái bàn của đợt xuất đầu tiên; Công ty T đã thanh toán đủ số tiền 142.634.800 đồng theo hóa đơn số 0005390 ngày 21/10/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tiếp theo, Công ty M đã không giao đủ số hàng cho Công ty T đúng thời gian và số lượng ghi rõ trong hợp đồng. Với vi phạm không giao hàng đúng thời hạn của Công ty M, Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở bằng văn bản về việc giao hàng đúng hạn và Công ty T đã làm việc trực tiếp với Công ty M ngày 12/11/2019 có lập biên bản xác nhận thời gian giao hàng đợt 1 ngày 25/11/2019. Tuy nhiên, đến ngày 25/11/2019 Công ty M vẫn không thực hiện việc giao hàng cho Công ty T, Công ty T có thông báo về việc hủy hợp đồng cho Công ty M. Như vậy, Công ty M đã vi phạm về thỏa thuận giao hàng lần 1 và không có khả năng giao hàng đúng hạn cho các kỳ giao hàng sau được quy định tại Hợp đồng kinh tế số 01, nên Công ty T yêu cầu hủy Hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 ngày 22/8/2019 giữa Công ty T và Công ty M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.2] Hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 ngày 22/8/2019 bị hủy bỏ, theo quy định tại khoản 2 Điều 427 Bộ luật Dân sự "*Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản"*. Công ty T yêu cầu Công ty M hoàn lại tiền cọc với giá trị còn lại sau khi trừ đi các khoản tiền giao hàng không đồng bộ và tiền làm nguội còn lại 586.645.117 đồng là có căn cứ.

[2] Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Công ty T: Hủy Hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 ngày 22/8/2019 giữa Công ty T và Công ty M và buộc Công ty M phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty T số tiền đặt cọc 586.645.117 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Công ty TNHH Đỗ Gỗ Nội Thất M kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác. Do đó, Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điển của kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

[3] Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 313 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 423, 427 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T Việt Nam.

1. Hủy Hợp đồng kinh tế số 01/TB-MD/2019 ngày 22/8/2019 giữa: Công ty TNHH T Việt Nam và Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M.

2. Buộc Công ty TNHH Đồ Gỗ Nội Thất M phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty T Việt Nam số tiền đặt cọc 586.645.117 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm mười bảy đồng).

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH T Việt Nam được nhận lại 13.732.902 đồng (Mười ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn chín trăm không hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003751 ngày 17/12/2019 của Cục T hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH Đỗ Gỗ Nội Thất M phải chịu 27.465.804, đồng(Hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm không bốn đồng).

3.3 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty Đồ Gỗ Nội Thất M phải chịu: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003882 ngày 21/9/2020 của Cục T hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục T hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn